



World Players Ranking

Edition: 04/2018		1	2	3-4	5-8	9-16	17-32	>32
A	UMB World Championship - 8-12 November 2017 -- Santa Cruz (BO)	120	81	57	39	24	12	8
B	Confederal Championships	80	54	38	26	16	8	
C	National Championships 2014 / 2015	30	18	12	7	4	2	
D	National Championships 2015 / 2016	30	18	12	7	4	2	
E	National Championships 2016 / 2017	30	18	12	7	4	2	
F	UMB / ACC World Cup - Hurghada (Egypt) 2016-12-17	80	54	38	26	16	8	*
G	UMB / CEB World Cup - Bursa (TR) 2017-02-12	80	54	38	26	16	8	*
H	UMB / ACC World Cup - Luxor (Egypt) 2017-04-01	80	54	38	26	16	8	*
I	UMB / ACBC World Cup - HO CHI MINH CITY (VN) 2017-05-28	80	54	38	26	16	8	*
J	UMB / CEB World Cup - PORTO (PT) 2017-07-09	80	54	38	26	16	8	*
K	UMB / ACBC World Cup - CHEONGJU (KR) 2017-10-01	80	54	38	26	16	8	*
L	UMB / CEB World Cup - La Baule (FR) 2017-10-29	80	54	38	26	16	8	*
M	UMB / ACC World Cup - Hurghada (Egypt) 2017-12-09	80	54	38	26	16	8	*

* PPPQ = 2 Points - PPQ = 3 Points - PQ = 4 Points - Q = 5 Points - PP = Penalty Points

Last update: 2018-01-28 National Championship BE

Rank	Name	Fed.	Player ID	Pnts	PP	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M
1	CAUDRON Frédéric	BE	0101	420		120	54			18	8	80	8	16	16	8	54	38
2	MERCKX Eddy	BE	0111	367		81	16			30	16	16	8	80	16	16	8	80
3	JASPERS Dick	NL	0106	338		12	38			30	54	54	54	8	8	38	16	26
4	ZANETTI Marco	IT	0105	317		57	80			30	16	8	26	38	8	8	8	38
5	KIM Heang Jik	KR	0268	310		12	16			12	26	8	26	8	80	80	16	26
6	BLOMDAHL Torbjorn	SE	0102	304		24	16		30	16	26	8	8	54	26	16	80	8
7	SANCHEZ Daniel	ES	0109	287		39	16			18	26	16	80	8	26	16	26	16
8	SIDHOM Sameh	EG	0128	238		12	80			30	26	8	8	8	16	26	8	16
9	COKLU Murat Naci	TR	0117	222		12	16			12	16	8	16	38	8	54	16	26
10	NGUYEN Quoc Nguyen	VN	0153	219		12	80		7	5	16	5	16	54	8	8	8	8
11	IHEO Jung Han	KR	0131	218		24				12	80	8	16	8	38	16	8	8
12	CHOI Sung-Won	KR	0108	211		24	38			30	5	16	16	16	16	26	16	8
13	BURY Jeremy	FR	0103	195		39	16			30	16	38	16	8	8	8	8	16
14	POLYCHRONOPOULOS Nikos	GR	0125	194		12	26			30	8	26	26	26	8	8	8	16
15	CHO Jae Ho	KR	0115	181		24	16			7	8	26	8	26	16	26	16	8
16	TRAN Quyét Chien	VN	0134	174		8	26		18	38	5	16	16	5	8	26	8	8
17	KANG Dong Koong	KR	0110	167		8				18	16	38	8	16	16	5	26	16
18	MA Minh Cam	VN	0224	165		57	26		30	5	8	8	8	8	5	5	5	5
19	DUONG Anh Vu	VN	0141	164		24	54		4	5	5	5	5	5	26	16	5	5
20	TASDEMIR Tayfun	TR	0112	143		24	8			18	5	8	38	16	5	8	5	8
21	CHO Myung Woo	KR	0364	143		8				7	8	8	38	26	8	5	38	5
22	LEPPENS Eddy	BE	0118	142		24	26			7	8	8	16	8	16	5	8	16
23	MARTINEZ David	ES	0347	134		39	38			30	5				4	5	8	5
24	CENET Lütfi	TR	0114	127						7	8	16	5	5	38	38	5	5
25	FORTHOMME Roland	BE	0119	126		8				12	8	16	5	5	5	8	5	54
26	MA Xuan Cuong	VN	0145	124		26				5	8	8	8	8	5	26	38	8
27	SAYGINER Semih	TR	1829	122		8				30	8	8	26	8	5	16	8	5
28	PIEDRABUENA Pedro	US	0122	115		12	80		18	5								
29	NADY Riad	EG	0147	107		8	38			12	8	5	8	5	5	8	5	5
30	NGO Dinh Nai	VN	0127	104		12	38		4	4	4	4	5	5	8	8	8	8
31	CAPAK Can	TR	0142	104		12				7	4	8	16	16	5	5	26	5
32	EL MESSERY Ihab	EG	0216	101			54			18	5	8	8		8			8
33	KIM Hyung Kon	KR	0393	86		8				4	16	16	5	8	8	8	8	5
34	KIM Jae Guen	KR	0146	81		8				2	8	5	16	16	8	5	8	5
35	TERAN Javier	EC	0159	80		8	54	18										
36	PALAZON Javier	ES	0135	79		26				12	5		5	5	8	5	5	8
37	LEE Seung Jin	KR	0564	79		16				4	26	5	4	4	8	4	8	8
38	CARLSEN Tonny	DK	0199	78		8	16			7	8	3		5	5	5	26	5
39	YÜKSEL Adnan	TR	0113	77		26				4	5	5	8	5	8	8	8	8
40	CHO Chi Yeon	KR	0277	76		8				8	5	26	5	8	16			
41	HORN Martin	DE	0116	76						30	38			8				
42	UYMAZ Birol	TR	0210	73						2	5	8	8	5	5	8	16	16
43	LEE Choong-Bok	KR	0124	67		8	16			4	8	5	8	5	5	16		
44	KAHOFER Arnim	AT	0154	64		8				30	4	4	5	4		4	5	
45	TSOKANTAS Dionisis	GR	0587	62		12	8			18	4	4	4		4	4	4	4
46	SAKAI Nobuyasu	JP	0307	62		8	16			30						4	4	
47	DIAZ Fernando	CO	0176	62		24	38											
48	JAESCHKE Dustin	DE	1152	60		8				18	5	4	4	4	4	4	5	4
49	HENRY Ragay	EG	0212	60		26				4	4	5	4	5	4	4	4	4
50	DE BRUIJN Jean Paul	NL	0123	59						7	4	5	8	5	4	5	16	5
51	PARK Kwang Yeol	KR	0898	58						26	5	4	4	4	4	5	5	5
52	KOKKORIS Kostantinos	GR	0293	58		8				12	8	8	5		4	5	4	4
53	TELLEZ ERICK	CR	0400	58		12	38						8					
54	SACCO Guido	PE	0343	56		12	26	18										
55	SALEM Khaled	EG	0164	54		26				4	4	4	4		4		4	4
56	ERFAN Khaled	EG	0328	50		38				4	8							
57	KOBAYASHI Hideaki	JP	0377	48		8				4	4	5	4	5	5	4	5	4
58	HUDAK Jan	CZ	0232	47		8				30	4							5
59	HONG Jin Pyo	KR	0208	47		12	8			7	4			4	4	4	4	4
60	BARBEILLON Jérôme	FR	0144	47		8	8			18					5		8	
61	PATINO Hugo	US	0182	46		8			30					8				
62	RODRIGUEZ Ramon	PE	1599	46		16	30											
63	KLOMPENHOUWER Therese	NL	0201	45		8				4	5	4	4	4	4	4	4	4
64	ABDALLAH Ahmed	EG	0300	45		26				7	4							4
65	HWANG Hyung Bum	KR	0138	44						4	5	5	8	4	5	5	4	4
66	CHOI Wan Young	KR	1871	44						2			4	4	26		4	4

Rank	Name	Fed.	Player ID	Pnts	PP	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M
2334	QUINTERO Javier	VE	0715	0														
2335	RAMIREZ Jaime	VE	0714	0														
2336	NGUYEN Cu	VN	2324	0														
2337	LE Thanh Phan	VN	2025	0														
2338	TRUONG Chi Minh	VN	0830	0														
2339	NGUYEN Ngoc Tri	VN	2019	0														
2340	HUYNH Dinh Phuoc	VN	2033	0														
2341	NGUYEN Tien Dat	VN	2242	0														
2342	TRAN Chi Thanh	VN	0826	0														
2343	NGUYEN QUANG PHAT	VN	1853	0														
2344	HUYNH Thanh Hien	VN	2070	0														
2345	DAO Van Ly	VN	2250	0														
2346	AN Thien Loc	VN	2254	0														
2347	LE Quoc Ho	VN	2256	0														
2348	LE TAN Cuong	VN	2257	0														
2349	PHAM Quoc Thich	VN	2258	0														
2350	HO Quang Tin	VN	2039	0														
2351	LE Hoang Mai Phuoc	VN	0517	0														
2352	LE HUU TINH	VN	1852	0														
2353	QUACH Dan Binh	VN	1854	0														
2354	PHAM Ngoc Anh Thi	VN	2034	0														
2355	NGUYEN Cong Trieu	VN	1875	0														
2356	PHAM Huu Tai	VN	2072	0														
2357	DANG Dinh Tien	VN	0842	0														
2358	LE Phuc Thien	VN	2014	0														
2359	NGUYEN Van Phuoc Hieu	VN	2026	0														
2360	TRAN Dinh Tuan	VN	0452	0														
2361	TRAN Duc Minh	VN	2009	0														
2362	NGUYEN Ngoc Long	VN	2010	0														
2363	NGUYEN An Toan	VN	2012	0														
2364	NGUYEN Phu Toan	VN	0827	0														
2365	NGUYEN Huu Thanh	VN	2020	0														
2366	VU Minh Phat	VN	2021	0														
2367	CHU Giang Thach	VN	2023	0														
2368	NGUYEN Bao Khang	VN	0518	0														
2369	PHAM Quoc Nam	VN	0317	0														
2370	TRAN Duy Phong	VN	2029	0														
2371	THAI Dai Khanh	VN	2030	0														
2372	LE Ngoc Thuc	VN	2032	0														
2373	TRAN Quoc Anh Minh	VN	2040	0														
2374	HUYNH Xuan Chau	VN	2041	0														
2375	VO Thanh Phong	VN	2043	0														
2376	PHAN Quoc Huan	VN	2046	0														
2377	LIEN Minh Dat	VN	2047	0														
2378	TONG HO QUOC DUNG	VN	1877	0														
2379	DANG Dinh Khoi	VN	0828	0														
2380	TRAN Thai Duy	VN	1417	0														
2381	NGUYEN Quoc Vuong	VN	1414	0														
2382	DUONG Thanh Tam	VN	1409	0														
2383	CHU Binh Giang	VN	1233	0														
2384	PHAN NGUYEN NHAN PHU	VN	1887	0														
2385	LE Ngoc Giang	VN	2079	0														
2386	TRAN Quoc Thai	VN	2333	0														
2387	JORISSEN Jeffrey	NL	0441	-1						7		-8						
2388	KO Kyung-Nam	KR	0279	-2												3	3	-8
2389	CORNIL Pascal	BE	1752	-4						2		-8				2		
2390	DO DUC HIEN	VN	1882	-6											-8	2		
2391	BAIER Christian	DE	1630	-8														-8
2392	RÖTTER Jürgen	DE	1614	-8														-8
2393	LTIEF Goerge	LB	1698	-8														-8
2394	HERNÁNDEZ Lucas Luis	ES	2483	-8													-8	
2395	CHOI Gyeong Jun	KR	2482	-8													-8	
2396	ÖZDEMİR Bülent	TR	0175	-8													-8	
2397	GOK Arzu	TR	2481	-8													-8	
2398	GRANADOS Sergio	CO	0797	-8											-8			
2399	CHO Jungyoung	KR	2432	-8										-8				